

**CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC TỈNH HÀ GIANG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TỈNH HÀ GIANG**

Địa chỉ: Số 34, đường An Cư, Phường Hà Giang 2, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 27

0222

NG T

NHIỆM K

AN VÀ

ỆT N

ẤY -

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước tỉnh Hà Giang (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

### Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

#### Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Vĩnh Phú	Chủ tịch
Ông Nguyễn Nam Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Dũng	Thành viên
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Vĩnh Phú	Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Dũng	Phó Giám đốc

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TỈNH HÀ GIANG

Địa chỉ: Số 34, đường An Cư, Phường Hà Giang 2,

Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

đính kèm báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

(tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TỈNH HÀ GIANG**



Nguyễn Vinh Phú

Giám đốc

Tuyên Quang, ngày 23 tháng 3 năm 2026





**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**  
**THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HÃNG KIỂM TOÁN LEA GLOBAL**  
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

Số: *2403.07*-26/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày *24* tháng 3 năm 2026

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Cấp thoát nước tỉnh Hà Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước tỉnh Hà Giang (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Tại thời điểm 31/12/2025, theo Biên bản đối chiếu ngày 06/01/2026 giữa Công ty và Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang thì số nợ gốc vay của Công ty là 15.788.645.776 đồng (Tại ngày 31/12/2024: 15.788.645.776 đồng), số lãi vay, lãi chậm trả, phí thu hộ lũy kế với giá trị lũy kế là 3.152.013.060 đồng, tuy nhiên số dư nợ gốc vay của Ngân hàng nêu trên đang được Công ty theo dõi và hạch toán trên sổ kế toán là 0 đồng (Tại ngày 31/12/2024: 0 đồng), chênh lệch với Biên bản đối chiếu của số dư nợ gốc vay là 15.788.645.776 đồng (Tại ngày 31/12/2024: 15.788.645.776 đồng); chênh lệch số lãi vay, lãi chậm trả, phí thu hộ lũy kế với giá trị lũy kế là 3.152.013.060 đồng. Với những tài liệu do Công ty cung cấp, chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về các khoản chênh lệch này. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.



# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán về khoản phải thu khác tại ngày 31/12/2025 có giá trị ghi sổ là 575.811.224 đồng (Tại ngày 31/12/2024: 575.811.224 đồng). Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của khoản mục này và ảnh hưởng của nó đến báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

Công ty ghi chốt chỉ số sử dụng nước của khách hàng từ ngày 15 tháng trước đến ngày 15 tháng sau, kỳ ghi chốt chỉ số như vậy là chưa phù hợp với việc ghi nhận chi phí cùng kỳ và doanh thu của cả năm tài chính (mặc dù doanh thu của năm 2025 vẫn được ghi nhận đủ 12 tháng). Nếu thực hiện ghi nhận theo đúng quy định của Chuẩn mực và chế độ kế toán thì khoản mục phải thu tiền nước của khách hàng và lợi nhuận trước thuế sẽ tăng 1 tỷ đồng.

## Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ngô Bá Duy

Phó Tổng giám đốc - Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Nguyễn Huy Hiệp

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 6542-2024-034-1

022

NG

HIỆM

ÁN V

T

ÁY

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>7.871.297.010</b>	<b>11.502.098.284</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>3.955.281.703</b>	<b>5.998.703.468</b>
1 Tiền	111	V.1.	3.955.281.703	5.998.703.468
<b>II Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2.</b>	<b>1.800.000.000</b>	<b>3.500.000.000</b>
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.800.000.000	3.500.000.000
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>329.632.780</b>	<b>296.008.481</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	183.196.553	175.529.647
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	225.107.261	242.912.261
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	2.299.354.142	2.255.591.749
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.378.025.176)	(2.378.025.176)
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7.</b>	<b>1.771.935.531</b>	<b>1.681.660.713</b>
1 Hàng tồn kho	141		1.771.935.531	1.681.660.713
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.446.996</b>	<b>25.725.622</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9.	1.130.000	1.313.667
2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13.	13.316.996	24.411.955
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>34.774.301.079</b>	<b>38.812.318.282</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>34.031.918.815</b>	<b>38.429.956.919</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	34.031.918.815	38.429.956.919
- Nguyên giá	222		118.560.100.056	118.379.023.056
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(84.528.181.241)	(79.949.066.137)
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>742.382.264</b>	<b>382.361.363</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.	742.382.264	382.361.363
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>42.645.598.089</b>	<b>50.314.416.566</b>

TP. HỒ CHÍ MINH  
 KIỂM TOÁN  
 CÁ NHÂN  
 28-C  
 TY HỮU HẠN  
 ĐỊNH HƯỚNG  
 HẠM  
 TP.

Mẫu số B 01 - DN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>C NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>26.533.074.262</b>	<b>34.495.361.661</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>9.533.074.262</b>	<b>11.295.361.661</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10.	76.336.536	116.535.553
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11.	9.851.838	5.408.449
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.	718.304.069	884.803.895
4 Phải trả người lao động	314		1.997.599.940	2.282.511.353
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12.	196.973.748	105.510.442
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14.	451.259.340	2.773.213.473
7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15.	4.200.000.000	4.200.000.000
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.882.748.791	927.378.496
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>17.000.000.000</b>	<b>23.200.000.000</b>
1 Phải trả dài hạn khác	337	V.14.	4.000.000.000	6.000.000.000
2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15.	13.000.000.000	17.200.000.000
<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>16.112.523.827</b>	<b>15.819.054.905</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16.</b>	<b>16.112.523.827</b>	<b>15.819.054.905</b>
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		11.760.450.000	11.760.450.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.760.450.000	11.760.450.000
2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.352.073.827	4.058.604.905
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		4.352.073.827	4.058.604.905
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>42.645.598.089</b>	<b>50.314.416.566</b>


Tuyên Quang, ngày 23 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TỈNH HÀ GIANG

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Hồng Phong



Lê Hồng Phong



Nguyễn Vĩnh Phú

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	30.340.630.472	30.826.822.023
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		30.340.630.472	30.826.822.023
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	14.828.174.547	15.428.851.823
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		15.512.455.925	15.397.970.200
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	104.662.998	120.165.599
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	2.010.617.841	2.439.281.426
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.010.617.841	2.439.281.426
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7.	3.046.757.525	3.001.977.071
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	5.122.110.723	4.945.976.351
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(26+25)}	30		5.437.632.834	5.130.900.951
11. Thu nhập khác	31	VI.5.	83.000.000	-
12. Chi phí khác	32	VI.6.	92.384.106	58.943.098
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(9.384.106)	(58.943.098)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5.428.248.728	5.071.957.853
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	1.076.174.901	1.013.352.948
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		4.352.073.827	4.058.604.905
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	3.700,60	2.588,00

Tuyên Quang, ngày 23 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TỈNH HÀ GIANG

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Hồng Phong



Lê Hồng Phong



Nguyễn Vĩnh Phú

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		34.388.922.814	35.126.872.016
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(6.503.975.821)	(6.956.693.532)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(10.662.179.266)	(9.021.354.734)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(2.010.617.841)	(2.677.909.853)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.227.693.060)	(970.222.512)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		824.179.520	1.067.067.836
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(11.265.806.176)	(8.703.571.039)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>3.542.830.170</b>	<b>7.864.188.182</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(111.616.227)	(897.449.052)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.800.000.000)	(3.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.500.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		68.968.752	120.165.599
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.657.352.525</b>	<b>(4.277.283.453)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(4.200.000.000)	(3.800.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.043.604.460)	(2.020.445.310)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(7.243.604.460)</b>	<b>(5.820.445.310)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(2.043.421.765)</b>	<b>(2.233.540.581)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.998.703.468	8.232.244.049
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>3.955.281.703</b>	<b>5.998.703.468</b>

Tuyên Quang, ngày 23 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TỈNH HÀ GIANG

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Lê Hồng Phong

Lê Hồng Phong

Nguyễn Vĩnh Phú

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước tỉnh Hà Giang (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước tỉnh Hà Giang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5100306079 ngày 14 tháng 8 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp. Công ty thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 20/02/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang và theo Quyết định số 2340/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa thì Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Hà Giang được chuyển thành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước tỉnh Hà Giang và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 20/7/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 06 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Vốn điều lệ của Công ty là **11.760.450.000 đồng** (Mười một tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh nước sạch và xây dựng các công trình cấp thoát nước.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước (Chi tiết: sản xuất, khai thác, phân phối nước sinh hoạt); Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: tư vấn, khảo sát thiết kế, giám sát công trình cấp thoát nước, công trình xử lý nước thải - kiểm định đồng hồ đo nước lạnh);
- Xây dựng nhà các loại (Chi tiết: xây dựng các công trình nhà dân dụng); Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Chi tiết: xây dựng các công trình giao thông đường bộ); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: xây dựng các công trình cấp thoát nước; nhà công nghiệp);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: kinh doanh dịch vụ vật tư, thiết bị ngành nước và các hoạt động kinh doanh khác); Thoát nước và xử lý nước thải (Chi tiết: kinh doanh hoạt động công ích, thoát nước và xử lý nước thải);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: kinh doanh dịch vụ hoạt động thể thao, vui chơi và bể bơi); Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (Chi tiết: sản xuất nước tinh khiết đóng chai); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: làm nhà cho thuê);

**Trụ sở Công ty tại:** Số 34, đường An Cư, Phường Hà Giang 2, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc doanh nghiệp

**Các chi nhánh của Công ty: Công ty có 1 chi nhánh hoạt động phụ thuộc là:**

- Chi nhánh Kiểm định đồng hồ đo đếm nước lạnh.

Địa chỉ : Phường Hà Giang 2, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

**7. Số lượng nhân viên**

Số lượng nhân viên tại ngày 31/12/2025 là 87 người (Tại ngày 31/12/2024 là 87 người)

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

**1. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

**6. Nguyên tắc kế toán và phương pháp khấu hao TSCĐ**

**6.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

**Loại tài sản cố định****Thời gian khấu hao (năm)**

Nhà cửa vật kiến trúc

07 - 20

Máy móc, thiết bị

03 - 08

Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn

06 - 12

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước là chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các chi phí khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong vòng tối đa không quá 3 năm.

**8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

**9. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

**10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập**

Doanh thu của Công ty bao gồm: doanh thu bán nước sạch, lắp đặt đường ống nước và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

**Doanh thu bán hàng hóa**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**Doanh thu tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, toàn bộ là chi phí lãi vay.

**15. Các nghĩa vụ về thuế**

**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 17% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

**17. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán****1. Tiền**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	84.060.071	254.633.084
Tiền gửi ngân hàng	3.871.221.632	5.744.070.384
<b>Cộng</b>	<b>3.955.281.703</b>	<b>5.998.703.468</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

	31/12/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>				
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
Ngân hàng TMCP Lọc Phát Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang (1)	-	-	3.500.000.000	3.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Giang (2)	1.800.000.000	1.800.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.800.000.000</b>	<b>1.800.000.000</b>	<b>3.500.000.000</b>	<b>3.500.000.000</b>

(1) Hợp đồng tiền gửi số 19/2024/HDTGCKH-LPB Hà Giang ngày 26/12/2024 tại Ngân hàng TMCP Lọc Phát Việt Nam - CN Hà Giang, số tiền 3,5 tỷ đồng, kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 3,6%/năm, lãi trả tại thời điểm đáo hạn. Khoản tiền gửi này đã tất toán trong năm.

(2) Hợp đồng tiền gửi số 01/2025/3029349/HDTG ngày 30/7/2025 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hà Giang, số tiền 1,8 tỷ đồng, kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 4,7%/năm, lãi trả tại thời điểm đáo hạn.

**3. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Vũ Thị Hà	45.000.000	-	45.000.000	-
Trần Anh Tiến	30.000.000	-	30.000.000	-
Các đối tượng khác	108.196.553	-	100.529.647	-
<b>Cộng</b>	<b>183.196.553</b>	<b>-</b>	<b>175.529.647</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TỈNH HÀ GIANG**

Địa chỉ: Số 34, đường An Cư, Phường Hà Giang 2,

Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**4. Trả trước cho người bán**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty CP Tư vấn xây dựng Watech	163.412.261	(163.412.261)	163.412.261	(163.412.261)
Vũ Đức Hùng	48.195.000	-	-	-
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư mở Delta	-	-	66.000.000	-
Liên đoàn quy hoạch và điều tra tài nguyên nước Miền Bắc	13.500.000	-	13.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>225.107.261</b>	<b>(163.412.261)</b>	<b>242.912.261</b>	<b>(163.412.261)</b>

**5. Phải thu khác**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Tạm ứng	3.000.000	-	10.000.000	-
Phải thu khác	2.296.354.142	(2.214.612.915)	2.245.591.749	(2.214.612.915)
UBND tỉnh Hà Giang (nay là UBND tỉnh Tuyên Quang)	575.811.224	(575.811.224)	575.811.224	(575.811.224)
Ban quản lý các dự án Cấp thoát nước tỉnh Hà Giang	1.638.801.691	(1.638.801.691)	1.638.801.691	(1.638.801.691)
Lãi dự thu	35.694.246	-	-	-
Đối tượng khác	46.046.981	-	30.978.834	-
<b>Cộng</b>	<b>2.299.354.142</b>	<b>(2.214.612.915)</b>	<b>2.255.591.749</b>	<b>(2.214.612.915)</b>

**b) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**

**6. Nợ xấu**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi

Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

Phải thu khác	2.214.612.915	-	2.214.612.915	-
Ban quản lý các dự án Cấp thoát nước tỉnh Hà Giang	1.638.801.691	-	1.638.801.691	-
UBND tỉnh Hà Giang	575.811.224	-	575.811.224	-



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Trả trước cho người bán	163.412.261	-	163.412.261	-
Công ty CP Tư vấn xây dựng Watech	163.412.261	-	163.412.261	-
<b>Cộng</b>	<b>2.378.025.176</b>	<b>-</b>	<b>2.378.025.176</b>	<b>-</b>

**7. Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.766.670.531	-	1.653.885.713	-
Công cụ, dụng cụ	5.265.000	-	11.175.000	-
Hàng hóa	-	-	16.600.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.771.935.531</b>	<b>-</b>	<b>1.681.660.713</b>	<b>-</b>

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Cộng
<i>Nguyên giá</i>				
Số dư ngày 01/01/2025	35.720.673.390	49.227.138.815	33.431.210.852	118.379.023.056
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	115.450.000	65.627.000	181.077.000
Số dư ngày 31/12/2025	35.720.673.390	49.342.588.815	33.496.837.852	118.560.100.056
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>				
Số dư ngày 01/01/2025	25.092.574.490	45.344.237.049	9.512.254.598	79.949.066.137
Khấu hao trong năm	1.247.696.530	1.553.609.241	1.777.809.333	4.579.115.104
Số dư ngày 31/12/2025	26.340.271.020	46.897.846.290	11.290.063.931	84.528.181.241
<i>Giá trị còn lại</i>				
Tại ngày 01/01/2025	10.628.098.900	3.882.901.766	23.918.956.254	38.429.956.919
Tại ngày 31/12/2025	9.380.402.370	2.444.742.525	22.206.773.921	34.031.918.815

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 28.923.165.592 VND (Tại ngày 31/12/2024: 32.536.011.438 VND)

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 37.621.394.845 VND (Tại ngày 31/12/2024: 37.369.090.499 VND)

**9. Chi phí trả trước**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.130.000</b>	<b>1.313.667</b>
Chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.130.000	1.313.667
<b>b) Dài hạn</b>	<b>742.382.264</b>	<b>382.361.363</b>
Chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	190.352.812	132.895.886
Chi phí cấp phép khai thác sử dụng nước mặt	-	120.348.693

2022  
CÔNG  
NHIỆM  
TOÁN V  
VIỆT  
DIARY

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chi phí sửa chữa	92.865.299	-
Chi phí trả trước khác chờ phân bổ	353.360.914	129.116.784
<b>Cộng</b>	<b>743.512.264</b>	<b>383.675.030</b>

**10. Phải trả người bán**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Ngắn hạn</i>				
Trần Trung Đoán	58.020.000	58.020.000	80.786.000	80.786.000
Các đối tượng khác	18.316.536	18.316.536	35.749.553	35.749.553
<b>Cộng</b>	<b>76.336.536</b>	<b>76.336.536</b>	<b>116.535.553</b>	<b>116.535.553</b>

**11. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Các đối tượng khác	9.851.838	5.408.449
<b>Cộng</b>	<b>9.851.838</b>	<b>5.408.449</b>

**12. Chi phí phải trả**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Chi phí tiền điện phải trả	80.060.409	86.386.094
Chi phí vật tư phải trả	53.412.200	-
Chi phí phải trả khác	63.501.139	19.124.348
<b>Cộng</b>	<b>196.973.748</b>	<b>105.510.442</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
	<i>a) Phải nộp</i>			
Thuế GTGT đầu ra	305.983.994	1.094.986.431	1.107.162.726	293.807.699
Thuế TNDN	362.326.527	1.076.174.901	1.227.693.060	210.808.368
Thuế thu nhập cá nhân	-	7.560.142	-	7.560.142
Thuế tài nguyên	13.565.920	163.278.000	163.793.320	13.050.600
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	202.927.454	2.812.959.799	2.822.809.993	193.077.260

28-C  
 TY  
 HỮU H  
 ĐỊNH  
 NAM  
 TP. V

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***b) Phải thu**

Thuế thu nhập cá nhân	24.347.671	165.618.335	141.270.664	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	96.388.600	106.027.460	9.638.860
Các loại thuế khác	-	7.678.136	11.356.272	3.678.136
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	64.284	64.284		-
<b>Cộng</b>	<b>24.411.955</b>	<b>269.749.355</b>	<b>258.654.396</b>	<b>13.316.996</b>

**14. Phải trả khác**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>451.259.340</b>	<b>2.773.213.473</b>
Kinh phí công đoàn	101.144	-
Phải trả về cổ phần hóa	232.073.876	232.073.876
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	75.000.000	85.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	144.084.320	2.443.916.995
Quỹ công đoàn Công ty	-	2.247.939.453
Các đối tượng khác	144.084.320	195.977.542
Dư Nợ TK 138	-	12.222.602
<b>b) Dài hạn</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>
Công ty TNHH MTV Doanh Vũ - Hà Giang (i)	4.000.000.000	6.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.451.259.340</b>	<b>8.773.213.473</b>

(i) Là khoản phải trả theo Hợp đồng góp vốn số 04/2018 ngày 10/8/2018 về việc góp vốn để thực hiện đầu tư xây dựng và quản lý sản xuất kinh doanh dự án cải tạo nâng cấp mở rộng (giai đoạn II) nâng công suất hệ thống cấp nước thành phố Hà Giang 16.000m<sup>3</sup>/ngày đêm. Theo cam kết ngày 5/9/2018 thì Công ty TNHH Thương mại Việt Nhật (nay là Công ty TNHH MTV Doanh Vũ - Hà Giang) cam kết không thực hiện rút vốn trước khi Công ty CP Cấp thoát nước tỉnh Hà Giang hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với phần vốn vay thương mại để thực hiện dự án trên. Theo Thỏa thuận rút vốn ngày 10/8/2023, Công ty CP Cấp thoát nước tỉnh Hà Giang sẽ hoàn trả phần vốn góp theo từng đợt trong vòng 5 năm, hoàn tất chậm nhất vào ngày 31/12/2027.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP THOÁT NƯỚC TỈNH HÀ GIANG**

Địa chỉ: Số 34, đường An Cư, Phường Hà Giang 2, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**5. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2025		Trong năm		01/01/2025		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Ngắn hạn	4.200.000.000	4.200.000.000	4.200.000.000	4.200.000.000	4.200.000.000	4.200.000.000	4.200.000.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	4.200.000.000	4.200.000.000	4.200.000.000	4.200.000.000	4.200.000.000	4.200.000.000	4.200.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Giang (i)	4.200.000.000	4.200.000.000	4.200.000.000	4.200.000.000	4.200.000.000	4.200.000.000	4.200.000.000
b) Dài hạn	13.000.000.000	13.000.000.000	-	4.200.000.000	17.200.000.000	17.200.000.000	17.200.000.000
<i>Vay dài hạn</i>	13.000.000.000	13.000.000.000	-	4.200.000.000	17.200.000.000	17.200.000.000	17.200.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Giang (i)	13.000.000.000	13.000.000.000	-	4.200.000.000	17.200.000.000	17.200.000.000	17.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>17.200.000.000</b>	<b>17.200.000.000</b>	<b>4.200.000.000</b>	<b>8.400.000.000</b>	<b>21.400.000.000</b>	<b>21.400.000.000</b>	<b>21.400.000.000</b>

(i) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Giang theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019-HĐCVDADT/NHCT195-CTNUOC ngày 30/01/2019 với tổng giá trị vay không vượt quá 40 tỷ đồng. Mục đích vay để thanh toán các khoản chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án cải tạo, nâng cấp mở rộng (giai đoạn 2) nâng công suất hệ thống cấp nước thành phố Hà Giang. Thời hạn vay là 126 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh theo thông báo điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành trong tương lai.

Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2021-HĐCV-SDDBS01/NHCT195-LICHTRANO ngày 04/01/2021, sau thời gian ân hạn, Bên vay đồng ý thanh toán nợ gốc các khoản nợ thành 35 kỳ liên tiếp trên cơ sở kỳ hạn 3 tháng/kỳ, ngày thanh toán nợ gốc của mỗi kỳ của tháng cuối cùng trong kỳ. Bên vay có thể thanh toán nợ gốc của mỗi kỳ vào bất kỳ thời điểm nào của kỳ thanh toán nợ gốc mà không phải chịu phí trả nợ trước hạn. Số tiền trả nợ gốc và ngày trả nợ gốc muộn nhất của các kỳ trả nợ.

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**16. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
			Cộng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2024</b>	<b>11.760.450.000</b>	<b>2.693.493.162</b>	<b>14.453.943.162</b>
Lãi trong năm trước	-	4.058.604.905	4.058.604.905
Chia cổ tức	-	(2.020.445.310)	(2.020.445.310)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(673.047.852)	(673.047.852)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2024</b>	<b>11.760.450.000</b>	<b>4.058.604.905</b>	<b>15.819.054.905</b>
Lãi trong năm nay	-	4.352.073.827	4.352.073.827
Chia cổ tức (*)	-	(3.043.604.460)	(3.043.604.460)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(1.015.000.445)	(1.015.000.445)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2025</b>	<b>11.760.450.000</b>	<b>4.352.073.827</b>	<b>16.112.523.827</b>

(\*) Chia cổ tức cho các cổ đông và trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 97/2025/NQ-HĐCĐTN ngày 10/06/2025.

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang (nay là tỉnh Tuyên Quang)	4.233.770.000	4.233.770.000
Nguyễn Nam Phương	2.344.070.000	2.344.070.000
Nguyễn Anh Tuấn	2.376.050.000	2.376.050.000
Vốn góp của các cổ đông khác	2.806.560.000	2.806.560.000
<b>Cộng</b>	<b>11.760.450.000</b>	<b>11.760.450.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>11.760.450.000</b>	<b>11.760.450.000</b>
Vốn góp đầu năm	11.760.450.000	11.760.450.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	11.760.450.000	11.760.450.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>3.043.604.460</b>	<b>2.020.445.310</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP, THOÁT NƯỚC TỈNH HÀ GIANG**

Địa chỉ: Số 34, đường An Cư, Phường Hà Giang 2,

Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**Mẫu số B 09 - DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.176.045	1.176.045
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.176.045	1.176.045
- Cổ phiếu phổ thông	1.176.045	1.176.045
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.176.045	1.176.045
- Cổ phiếu phổ thông	1.176.045	1.176.045
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu cấp nước, lắp đặt và cung cấp dịch vụ	30.340.630.472	30.826.822.023
<b>Cộng</b>	<b>30.340.630.472</b>	<b>30.826.822.023</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn cấp nước, lắp đặt và cung cấp dịch vụ	14.828.174.547	15.428.851.823
<b>Cộng</b>	<b>14.828.174.547</b>	<b>15.428.851.823</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	104.662.998	120.165.599
<b>Cộng</b>	<b>104.662.998</b>	<b>120.165.599</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.010.617.841	2.439.281.426
<b>Cộng</b>	<b>2.010.617.841</b>	<b>2.439.281.426</b>

**5. Thu nhập khác**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Nhận tiền ủng hộ	83.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>83.000.000</b>	<b>-</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***6. Chi phí khác**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Các khoản phạt hành chính về thuế	54.534.106	432.700
Chi phí khác	37.850.000	58.510.398
<b>Cộng</b>	<b>92.384.106</b>	<b>58.943.098</b>

**7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>3.046.757.525</b>	<b>3.001.977.071</b>
Chi phí nhân viên	2.702.611.262	2.725.867.901
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	90.906.418	92.163.243
Chi phí khấu hao TSCĐ	16.381.790	16.381.790
Chi phí dịch vụ mua ngoài	236.858.055	158.264.137
Chi phí bằng tiền khác	-	9.300.000
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>5.122.110.723</b>	<b>4.945.976.351</b>
Chi phí nhân viên quản lý	3.817.265.901	3.394.114.460
Chi phí vật liệu quản lý	6.588.646	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	40.305.855	106.323.651
Chi phí khấu hao tài sản cố định	242.428.643	242.428.642
Thuế, phí và lệ phí	44.293.028	104.066.740
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.074.720	12.181.257
Chi phí bằng tiền khác	966.153.930	1.086.861.601
<b>Cộng</b>	<b>8.168.868.248</b>	<b>7.947.953.422</b>

**8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.956.416.200	2.792.607.092
Chi phí nhân công	12.263.518.079	11.670.276.527
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.579.115.104	4.697.730.374
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.707.509.462	2.521.353.175
Chi phí khác bằng tiền	1.488.543.402	1.675.552.623
<b>Cộng</b>	<b>22.995.102.247</b>	<b>23.357.519.790</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	5.428.248.728	5.071.957.853
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	229.602.972	186.162.705
Các khoản điều chỉnh khác (nếu có)	-	(191.355.816)
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	5.657.851.700	5.066.764.742
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17%	20%

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	961.834.789	1.013.352.948
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	114.340.112	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.076.174.901</b>	<b>1.013.352.948</b>

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2025	Năm 2024 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.352.073.827	4.058.604.905
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	(1.015.000.445)
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	(1.015.000.445)
+ Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(1.015.000.445)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.352.073.827	3.043.604.460
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.176.045	1.176.045
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	3.700,60	2.588,00

(\*) Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Do đó, lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông năm 2025 chưa loại trừ số trích quỹ khen thưởng phúc lợi.

(\*\*) Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 97/2025/NQ-HĐCĐTN ngày 10/06/2025, chi tiết như sau:

	Năm 2024		
	Số trước điều chỉnh VND	Số điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	4.058.604.905	-	4.058.604.905
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(1.015.000.445)	(1.015.000.445)
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	(1.015.000.445)	(1.015.000.445)
+ Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(1.015.000.445)	(1.015.000.445)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.058.604.905	-	3.043.604.460
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.176.045	-	1.176.045
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.451,06	-	2.588,00

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>1. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	4.200.000.000	3.800.000.000

**VIII. Những thông tin khác****1. Các cam kết**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với Nhà nước nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại các địa phương mà Công ty có cơ sở kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo các quy định hiện hành.

**2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

**3. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

***Danh sách các bên liên quan*****Bên liên quan**

UBND tỉnh Hà Giang (nay là UBND tỉnh Tuyên Quang)

Ông Nguyễn Vĩnh Phú

Ông Nguyễn Nam Phương

Ông Nguyễn Anh Tuấn

Ông Nguyễn Trung Dũng

Ông Lê Hồng Phong

Ông Nguyễn Trung Dũng

**Mối quan hệ**

Cổ đông lớn

Chủ tịch HĐQT, Giám đốc

Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT

Phó Giám đốc

***(\*) Số dư với các bên liên quan***

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b><i>Phải thu khác</i></b>		
UBND tỉnh Hà Giang (nay là UBND tỉnh Tuyên Quang)	575.811.224	575.811.224

***(\*) Thu nhập và các khoản vay của các thành viên quản lý chủ chốt***

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và thành viên quản lý khác	1.037.725.305	1.022.969.248
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị	330.000.000	330.000.000

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chi tiết từng thành viên như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc</b>		
Ông Nguyễn Vĩnh Phú Chủ tịch kiêm Giám đốc	429.467.225	428.030.856
Ông Nguyễn Trung Dũng Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	319.561.195	314.755.274
Ông Lê Hồng Phong Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	288.696.885	280.183.118
<b>Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát</b>		
Ông Nguyễn Vĩnh Phú Chủ tịch HĐQT	66.000.000	66.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Ông Lê Hồng Phong Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Trung Dũng Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Nam Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Phương Trưởng Ban kiểm soát	30.000.000	30.000.000
Ông Bùi Quang Hưng Trưởng Ban kiểm soát	30.000.000	30.000.000
Bà Ngô Thị Thúy Hằng Thành viên Ban kiểm soát	12.000.000	12.000.000
Ông Kiều Minh Dự Thành viên Ban kiểm soát	12.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Quang Thư ký Quyền	18.000.000	18.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.367.725.305</b>	<b>1.352.969.248</b>

**4. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước tỉnh Hà Giang đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Tuyên Quang, ngày 23 tháng 3 năm 2026

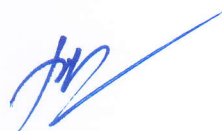
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TỈNH HÀ GIANG

Người lập biểu



Lê Hồng Phong

Kế toán trưởng



Lê Hồng Phong

Giám đốc



Nguyễn Vĩnh Phú